TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hướng

Bà Lê Thị Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế*:** Ông Đoàn Văn Sinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 60/2015/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2015 về việc xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M; sinh năm 1985; trú tại: Thôn 10BC, xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Can T; sinh năm 1956; trú tại: 253 Touchtone Drive North York, Ontario, M6M 5J7, Canada, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị M và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2006, chị Lê Thị M với ông Ngô Can T quen nhau thông qua sự giới thiệu của người thân chị M ở Canada. Sau đó hai người liên lạc, nói chuyện với nhau qua điện thoại được 06 tháng thì quyết định đi đến hôn nhân. Ông Ngô Can T trở về Việt Nam và hai người đăng ký kết hôn tại Sở T pháp tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/02/2007 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau tại nhà chị M được 02 tháng thì ông Ngô Can T trở về Canada. Sau đó, ông Ngô Can T có làm thủ tục bảo lãnh

chị M sang Canada để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chấp nhận. Kể từ đó đến nay, ông T ít liên lạc với chị M nên tình cảm ngày càng phai nhạt, đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Ngô Can T để tạo lập cuộc sống riêng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Ngô Can T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã gửi văn bản yêu cầu ông T trả lời một số vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Ngày 11/10/2018, Ông Ngô Can T có văn bản trả lời nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với chị M;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về sự có mặt của đương sự: Ông Ngô Can T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Ngô Can T

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M, Hội đồng xé xử thấy rằng:

Chị Lê Thị M và ông Ngô Can T kết hôn trên cở sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2007

Sau khi kết hôn, ông Ngô Can T có làm thủ tục để bảo lãnh chị M sang Canada để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không Nhà nước sở tại chấp nhận. Kể từ đó hai người ít liên lạc với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, đến nay vợ chồng không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau.

Xét thấy, hiện nay vợ chồng sống xa cách, khả năng vợ chồng đoàn tụ là rất khó, hai người không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, hơn nữa đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, nghĩ cần chấp nhận cho chị M được ly hôn ông Ngô Can T.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu theo luật định (Vụ án thụ lý ngày 22/10/2015 nên cần áp dụng Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 để giải quyết).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 464 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị M được ly hôn với ông Ngô Can T.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu 200.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 005138 ngày 22/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Can T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSNDCC tại Đà Nẵng;
-VKSTT Huế;
- Sở T pháp TT Huế;
-Cục THADS TTHuế;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Điệp

Áp dụng khoản 1, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8, khoản 10, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ngô Thị Loan được ly hôn ông Bạch Mạnh Hùng.

Về con chung: Xử giao hai cháu Bạch Ngọc Thảo Tiên, sinh ngày 22/9/2005 và cháu Bạch Ngọc Thục Tiên, sinh ngày 01/6/2009 cho bà Ngô Thị Loan chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bạch Mạnh Hùng phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung Bạch Ngọc Thảo Tiên, sinh ngày 22/9/2005 và Bạch Ngọc Thục Tiên, sinh ngày 01/6/2009 mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng, thời gian kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả thêm cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Bạch Mạnh Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; bà Loan cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hùng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí:

+ Bà Ngô Thị Loan phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Loan đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí, thể hiện tại biên lai thu tiền số: 005075 ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ, không phải nộp thêm.

+ Ông Bạch Mạnh Hùng phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bà Ngô Thị Loan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Bạch Mạnh Hùng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSNDTC;
- VKSTT Huế;
- Cục THADS TTHuế;
- Tổ HCTP;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Điệp